

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 198/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:  
- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Phạm Khánh D**, sinh ngày 16/06/1993, CCCD số: 042093004178 do Cục C về TTH cấp ngày 26/02/2022. Nơi thường trú: Thôn D, xã S, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đăng ký tạm trú: 32/B5 khu K, tổ G, phường N, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Bùi Thị Thu H**, sinh ngày 10/10/1992, CCCD số: 051192004504 do Cục C về TTH cấp ngày 05/10/2022. Nơi thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Khánh D và bà Bùi Thị Thu H đi đến hôn nhân vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 10 tháng 9 năm 2024. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên

xảy ra cãi vã. Hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Phạm Khánh D và bà Bùi Thị Thu H thì thấy: Hai bên tự nguyện thỏa thuận chấm dứt quan hệ hôn nhân, đã được Tòa án tiến hành hòa giải theo đúng quy định của pháp luật nhưng đoàn tụ không thành. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Ông D và bà H xác định vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Khánh A, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2024. Thuận tình ly hôn, ông D và bà H thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Phạm Khánh A, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2024 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 5/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là tự nguyện và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông D và bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Các vấn đề khác: Ông D và bà H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[6] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông D và bà Hà N chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Khánh D và bà Bùi Thị Thu H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 24 do UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 10 tháng 9 năm 2024 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật*).

1.2 Về con chung: Giao con chung Phạm Khánh A, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2024 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 5/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3 Về tài sản chung: Ông D và bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét.

1.4 Các vấn đề khác: Ông D và bà H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

**2. Về Lệ phí Tòa án:** Ông D và bà H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003952 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông D và bà H đã nộp đủ lệ phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND xã Hành Tín Tây,  
huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**